

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 68/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 21/8/2024.
V/v Tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung khi ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Ngọc Trứ

2. Ông Lê Văn Tám.

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Tín –Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 217/2023/TLST-HN ngày 24 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2024/QĐXXST-HN ngày 11 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2024/QĐST-HN ngày 02/8/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị L**, sinh năm 1987. Địa chỉ: **ấp K, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang** (xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh **Dương Minh Đ**, sinh năm 1986. Địa chỉ: **ấp K, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang** (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị **Phạm Thị L** trình bày:**

-Về quan hệ hôn nhân:

Chị và anh **Dương Minh Đ** kết hôn năm 2008 có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 25 ngày 12/5/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn do bất đồng ý kiến lẫn nhau, không phù hợp tính tình và quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không còn. Vợ chồng đã tạo cơ hội hàn gắn nhưng không hàn gắn được. Từ năm 2022 đến nay chị và anh Đ ly thân với nhau, thời gian ly thân anh chị không hàn gắn đoàn tụ. Nay yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Dương Minh Đ**.

-Về nuôi con chung: Quá trình sống chung có 02 con chung **Dương Hoàng P**, sinh ngày 27/5/2006 và **Dương Kim An N**, sinh ngày 23/10/2020. Khi ly hôn chị **L** yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung.

-Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **L** không yêu cầu anh **Đ** cấp dưỡng nuôi con chung.

-Tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

- Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

***Bị đơn anh Dương Minh Đ:**

Trong quá trình giải quyết vụ án cho đến khi mở phiên tòa, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập họp lệ anh **Dương Minh Đ** nhưng anh **Đ** vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

***Ý kiến của Kiểm sát viên tham dự phiên tòa:**

Về tố tụng: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử thẩm phán, thư ký chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ

thẩm. Những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị **L** ly hôn với anh **Đ**. Con chung **Dương Hoàng P** đã thành niên, giao con chung An Nhân cho chị **L** trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con anh **Đ** chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chưa có yêu cầu. Buộc nguyên đơn chịu án phí HNST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị **Phạm Thị L** tranh chấp ly hôn, nuôi con chung với bị đơn anh **Dương Minh Đ**, địa chỉ: **ấp K, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang**, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị **L** và anh **Đ** sống chung năm 2008 có đăng ký kết hôn được **Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang** cấp giấy chứng nhận kết hôn; quan hệ hôn nhân giữa chị **L** và anh **Đ** là hôn nhân hợp pháp. Xét tình cảm giữa chị **L** và anh **Đ** sống chung hạnh phúc được thời gian đầu đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên cự cãi nhau. Anh chị ly thân đã lâu, thời gian ly thân anh chị không liên lạc để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành hòa giải để

anh chị hàn gắn đoàn tụ nhưng anh Đ không đến tham dự cũng không có ý kiến đối với yêu cầu của chị L, chị L xin ly hôn do tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị L.

[4] Về nuôi con chung: Thời gian sống chung, anh chị có hai con chung Dương Hoàng P, sinh ngày 27/5/2006 và Dương Kim An N, sinh ngày 23/10/2020, con chung Hoàng P đã thành niên không yêu cầu giải quyết; khi ly hôn chị L yêu cầu được nuôi con chung An Nhân. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay con chung Dương Kim An N đang sống ổn định cùng chị L, chị L có chỗ ở ổn định và có nguồn thu nhập đủ điều kiện nuôi con chung; con chung An Nhân có nguyện vọng sống cùng chị L nên cần thiết tiếp tục giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L, giao con chung An Nhân cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đ được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu án phí HNST theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa là đúng pháp luật, phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56. Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị **Phạm Thị L**.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị **Phạm Thị L** ly hôn với anh **Dương Minh Đ**.

2. Về nuôi con chung:

Giao con chung **Dương Kim An N**, sinh ngày 23/10/2020 cho chị **Phạm Thị L** trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh **Dương Minh Đ** được quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh **Dương Minh Đ** chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do chưa có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị **Phạm Thị L** phải chịu 300.000 đồng án phí HNST được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004532 ngày 16/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Chị **L** đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Chị **L**, anh **Đ** có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
 - VKSND thị xã Cai Lậy;
 - Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
 - Các đương sự;
 - UBND xã Thạnh Lộc, huyện Cai Lậy;
- tỉnh Tiền Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án;
 - Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Thuyền